

Bản án số: 725/2024/DS-ST  
Ngày: 23 - 9 - 2024  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Hữu Tường;

Ông Nguyễn Văn Quân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiện Quang là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 436/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2023 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1205/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1416/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; Trụ sở: Số B N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lã Ngọc M - Chức vụ: Nhân viên Công ty TNHH MTV Q1 và khai thác tài sản Ngân hàng S - là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 1451/2023/UQ-TGD ngày 19 tháng 5 năm 2023).

- Bị đơn: Ông Trần Anh Q; Địa chỉ: 4 Khu phố D (nay là Khu phố B), phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự cùng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP S và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 26/3/2020, ông Trần Anh Q có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Trần Anh

Q, Ngân hàng đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng số 472074-2431, hạn mức sử dụng là 25.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Trần Anh Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 44.823.037 đồng. Trong quá trình sử dụng Thẻ tín dụng, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông Trần Anh Q đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 38.869.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Thứ tự thanh toán theo Điều 21 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng. Do ông Trần Anh Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 24 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên từ ngày 22/9/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng Thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (theo Điều 24.4 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ là 30.600.181 đồng làm nợ gốc và tính lãi hàng tháng trên dư nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại, lãi suất trong hạn là 2,6%/tháng x 150% = 3,9%/tháng lãi quá hạn).

Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, làm việc trực tiếp với ông Trần Anh Q, yêu cầu ông Q có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ nhưng ông Trần Anh Q vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản qui định tại Hợp đồng đã ký.

Nay, Ngân hàng TMCP S yêu cầu cá nhân ông Trần Anh Q phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử 23/9/2024 là 59.719.141 đồng (Năm mươi chín triệu, bảy trăm mười chín nghìn, một trăm bốn mươi một đồng), trong đó: Nợ gốc: 30.600.181 đồng; Lãi quá hạn: 29.118.960 đồng. Ngoài ra, ông Trần Anh Q còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 24/9/2024 cho đến khi trả hết số nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Anh Q đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không có mặt tại Tòa án để làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Q.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn là ông Lã Ngọc M vắng mặt, có đơn xin vắng mặt, đã có bản tự khai phù hợp với đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn là ông Trần Anh Q được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác minh, thu thập chứng cứ; cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng; quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát đúng thời hạn; chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định về nội quy phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S** là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn là ông **Trần Anh Q** trả số tiền còn nợ đến ngày xét xử 23/9/2024 là **59.719.141 đồng** (Năm mươi chín triệu, bảy trăm mười chín nghìn, một trăm bốn mươi một đồng), trong đó: : Nợ gốc: **30.600.181 đồng**; Lãi quá hạn: **29.118.960 đồng** và tiền lãi phát sinh từ ngày 24/9/2024 cho đến khi trả hết số nợ cho nguyên đơn theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ hồ sơ vụ án thể hiện ông **Trần Anh Q** có giao kết hợp đồng tín dụng (theo “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng” ký ngày 26/3/2020 với **Ngân hàng TMCP S** và được Ngân hàng phê duyệt vào cùng ngày). Do phía ông **Q** vi phạm nghĩa vụ hợp đồng nên xảy ra tranh chấp. Vì vậy, có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo kết quả xác minh của **Công an phường H, Quận A** thì ông **Trần Anh Q** có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ **A Tổ F, Khu phố A, phường H, Quận A**, đã bán nhà đi khỏi địa phương. Hiện đang cư trú tại địa chỉ **445/22/8 Khu phố D (nay là Khu phố B), phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh**. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là **Ngân hàng TMCP S** do ông **Lã Ngọc M** là người đại diện theo ủy quyền vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, ông **Trần Anh Q** đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có lời khai và các tài liệu, chứng cứ giao nộp cho Tòa án để thể hiện sự phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, ông **Trần Anh Q** đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và lấy yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc của thẻ tín dụng số 472074-2431 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 23/9/2024 là **30.600.181 đồng**, Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định, ngày 26/3/2020 ông **Trần Anh Q** có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng **S1** (gọi tắt là thẻ tín dụng) với **Ngân hàng TMCP S** (theo “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng” do ông **Q** ký ngày 26/3/2020), được Ngân hàng phê duyệt cùng ngày với hạn mức sử dụng là 25.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân. Theo Điều 18 của bản “Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của **Ngân hàng TMCP S**”, bản tóm tắt sao kê ngày **23/9/2024** do nguyên đơn cung cấp, thể hiện bị đơn đã nhận được thẻ và đã phát sinh giao dịch lần đầu vào ngày

22/4/2020. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 44.823.037 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 38.869.000 đồng, kỳ thanh toán cuối là ngày 22/6/2022 thì ngưng. Đến ngày 22/9/2022, ông Q còn nợ Ngân hàng là 30.600.181 đồng (gồm cả gốc và lãi theo Bảng tóm tắt sao kê do Ngân hàng cung cấp) và Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ đó sang nợ quá hạn, nên đến hiện tại, ông Q còn nợ số tiền gốc là 30.60.181 đồng. Mặc dù được Ngân hàng nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không thanh toán như đã thỏa thuận. Do bị đơn không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng là đã vi phạm thỏa thuận hợp đồng được quy định tại Điều 24 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, nên căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Ngân hàng có quyền chấm dứt việc sử dụng thẻ và buộc bị đơn phải trả nợ là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về tiền lãi: Theo thỏa thuận của hợp đồng thì ông Q phải thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc và lãi theo cách tính lãi quy định tại Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng nhưng ông Q không thực hiện nên Ngân hàng thông báo thu hồi nợ và chuyển toàn bộ số tiền nợ còn lại thành nợ quá hạn và tính lãi theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm 23/9/2024 là 29.118.960 đồng theo bảng Tóm tắt sao kê của nguyên đơn cung cấp là có cơ sở và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số nợ trên một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở.

[7] Về yêu cầu bị đơn tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 24/9/2024 là ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết số nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Từ những nhận định, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Trần Anh Q phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn nợ gồm gốc và lãi quá hạn của thẻ tín dụng S1 theo “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng” được Ngân hàng TMCP S phê duyệt ngày 26/3/2020.

[10] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

[11] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 và khoản 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 40, Điều 385, Điều 401, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng thương mại cổ phần S**:

1.1. Buộc ông **Trần Anh Q** có trách nhiệm trả cho **Ngân hàng thương mại cổ phần S** số tiền nợ tính đến ngày 23/9/2024 phát sinh từ thẻ tín dụng **S1** số thẻ 472074-2431 theo “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng” được **Ngân hàng thương mại cổ phần S** phê duyệt ngày 26/3/2024 là **59.719.141 đồng** (Năm mươi chín triệu, bảy trăm mười chín nghìn, một trăm bốn mươi một đồng), trong đó: Nợ gốc: **30.600.181 đồng** (Ba mươi triệu, sáu trăm nghìn, một trăm tám mươi một đồng); Lãi quá hạn: **29.118.960 đồng** (Hai mươi chín triệu, một trăm mười tám nghìn, chín trăm sáu mươi đồng). Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật;

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông **Trần Anh Q** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà ông **Trần Anh Q** phải thanh toán cho nguyên đơn cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của bên cho vay.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm là 2.985.957 đồng (Hai triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn, chín trăm năm mươi bảy đồng) do ông **Trần Anh Q** chịu;

2.2. Trả lại cho **Ngân hàng thương mại cổ phần S** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 998.712 đồng (Chín trăm chín mươi tám nghìn, bảy trăm mười hai đồng) theo Biên lai thu số 0030636 ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- Viện KSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Điệp**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Điệp**